TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2020/HS-PT
Ngày: 10-03-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**
Các Thẩm phán: Ông **Trần Minh Tuấn**
Ông **Phạm Tồn**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Quách Đức Dũng** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 03 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 75/TLPT-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo: Trần Ngọc C và đồng phạm về tội "Giết người, "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng", "Cố ý gây thương tích", "Che dấu tội phạm". Do có kháng cáo của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 37/2019/HS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Bị cáo kháng cáo, bị kháng cáo

1. **Trần Ngọc C** (tên gọi khác: C Toàn), sinh ngày 20 tháng 2 năm 1984, tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: khối 3, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị H; vợ là Lê Thị Lan A; con: 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2005, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc (đã xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/03/2018 đến nay. có mặt.

2. **Phùng Minh T**, sinh ngày 14/10/1994, tại thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Xóm 13, thôn 3, xã T2, huyện M, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Minh Q và bà Phùng Thị T3; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/8/2018 đến nay có mặt.

3. **Đậu Văn N**, sinh ngày: 14/02/1987, tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Xã X, huyện N1, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đậu Đức D và bà Đặng Thị M; vợ là Đinh Thị Th (đã ly hôn); bị cáo có 01 con sinh năm 2010;

Tiền án: có 03 tiền án:

Ngày 22/01/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 13/09/2009 chấp hành xong hình phạt tù về ở tại xã X, huyện N1, tỉnh Hà Tĩnh (chưa được xóa án tích do chưa nộp 50.000 đồng án phí).

Ngày 11/03/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản ", ngày 30/07/2013 chấp hành xong hình phạt tù về ở tại xã X, huyện N1, tỉnh Hà Tĩnh (chưa được xóa án tích).

Ngày 13/11/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 03 năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản ", ngày 22/01/2017 chấp hành xong hình phạt tù về ở tại xã X, huyện N1, tỉnh Hà Tĩnh (chưa được xóa án tích do chưa bồi thường xong về trách nhiệm dân sự cho người bị hại).

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/03/2018 đến nay có mặt.

4. **Nguyễn Văn N2,** sinh ngày: 22/8/1987 tại tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Đội 10, xã Đ1, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th1 và bà Vũ Thị Th2; vợ là Lê Thị Th3 (đã ly hôn); bị cáo có 01 con sinh năm 2010; Tiền án: có 01 tiền án: Ngày 28/11/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 06/03/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm cho hưởng án treo (chưa được xóa án tích do chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm); Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/03/2018 đến nay có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc C và bị cáo Phùng Minh T:* Ông Hoàng Minh T4 -Văn phòng Luật sư Minh T4.

Địa chỉ: Số 157 đường P1, thành phố K1, tỉnh Kon Tum.Có mặt.

- *Bị hại trong vụ án cố ý gây thương tích*: Anh Lê Văn X1, sinh năm: 1982

Trú tại: Xóm 4, xí nghiệp chè TĐ, xã TĐ, huyện Th4, tỉnh Nghệ An.

- *Bị hại trong vụ Giết người*: Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1988 (đã chết)

Đại diện hợp pháp của bị hại trong vụ án Giết người có kháng cáo:

Người đại diện hợp pháp cho bị hại anh Nguyễn Văn C1: Ông Nguyễn Mạnh H1, sinh năm: 1958 và bà Nguyễn Thị Kim M1, sinh năm 1962

Cùng trú tại: Xóm 7, xã TĐ, huyện Th4, tỉnh Nghệ An.Ông Huệ và bà M1 có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại anh Nguyễn Văn C1: Luật sư Nguyễn Văn M2 - thuộc Văn phòng Luật sư Văn M2

Địa chỉ: số K9 - phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An.Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 27/03/2018, Phùng Minh T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đỏ trắng không biển số, chở Trần Ngọc C (cả hai đều tạm trú tại nhà ông Hoàng Văn S1, số 77 Đường P1, phường N3, thành phố K1, tỉnh Kon Tum) đi chợ mua thức ăn. Khi đi đến quán bi da số 72 đường L1, phường Quang Trung, thành phố K1, tỉnh Kon Tum, T phát hiện xe ô tô bán tải màu cam biển số 37C- 232.00 do Nguyễn Văn C1 thường hay điều khiển đang đậu trước quán bi da, nhìn vào quán T thấy C1 đang chơi bi da. Thấy vậy, T nói với C "*Đây là xe của thằng C1 mấy bữa trước nó dùng xe này rượt đuổi đánh anh em nhà mình trên đường P1 khi đi ăn tối";* nghe vậy, C nói với T "*Về nhà lấy đồ xuống đánh cảnh cáo nó*", T nói "*vâng*" và điều khiển xe mô tô chở C về nhà số 77 Đường P1, T phố Kon Tum, tại đây T đã gọi điện thoại cho Đậu Văn N và Nguyễn Văn N2 (đều tạm trú tại nhà ông Hoàng Văn S1, số 77 Đường P1, phường N3, thành phố K1, tỉnh Kon Tum) để cùng đi với C về quê tỉnh Nghệ An. C nói với T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu đỏ trắng không biển số (xe của C mới mua, chưa sang tên) một mình đi theo C tới cuối đường M3, thành phố K1 (gần Công viên nước thành phố K1), còn N điều khiển xe ô tô bán tải màu cam biển số 81 C-11691 chở C và N2 đi trước. Khi đi, C mang theo 01 túi da màu đen bên trong có 01 khẩu súng ngắn hiệu Glock 19, 01 khẩu súng hiệu K59, 01 quả lựu đạn, 04 hộp tiếp đạn và 80 viên đạn các loại (C khai nhận có được 01 khẩu súng ngắn hiệu Glock 19, 01 khẩu súng hiệu K59, 01 quả lựu đạn và 80 viên đạn là do lúc đi trong rừng ở CamPuChia đã nhặt được), rồi lên xe ô tô ngồi ghế trước bên phụ, lúc này N cũng mang theo 01 khẩu súng ngắn hiệu Glock 26, 01 hộp tiếp đạn có chứa 10 viên đạn và bỏ vào hộp cốp xe gần tay phanh trước (N khai nhận có được 01 khẩu súng ngắn hiệu Glock 26 và 10 viên đạn là do mua của một người tên Hùng, nhà ở thị xã A, tỉnh Gia Lai với số tiền là 40.000.000 đồng mới trả cho Hùng 28.000.000 đồng còn nợ lại 12.000.000 đồng), N2 ngồi ghế sau rồi tất cả cùng đi đến đường M3, thành phố K1. Khi tới cuối đường M3, N cho xe ô tô dừng lại, C lấy khẩu súng Glock 19 trong túi da màu đen ra dắt vào lưng quần trước

bụng và 01 hộp tiếp đạn bỏ vào túi quần rồi xuống xe ô tô; đồng thời C dặn N và N2 chạy xe ô tô ra bùng binh Đ1, thành phố K1 đi hướng M4, huyện K2, tỉnh Kon Tum đợi C, lúc này Phùng Minh T điều khiển xe mô tô cũng vừa đến, nên C bảo T chở C đến quán bi da số 72 đường L1, thành phố K1 (nơi có C1 đang chơi bi da ở đó), khi đi ngang qua quán bi da khoảng 10 mét thì C nói T dừng xe lại, lúc này T nói với C "thằng C1 đứng ở ngoài mặc áo đen " (lúc này trong quán bi da có C1 và Lê Văn X1, sinh năm 1982, trú tại xã TĐ, huyện Th4, tỉnh Nghệ An đang chơi bi da), C xuống xe mô tô chạy bộ và rút súng trong người ra lên đạn, khi đến trước cửa quán bi da cách C1 khoảng 06 mét, lúc này C1 quay người lại nhìn ra thấy C thì C đưa súng lên hướng về phía C1 bắn viên đạn thứ nhất nhưng không trúng C1, mà trúng vào tay phải của Anh X1 (do Anh X1 đứng phía sau bên trái của C1), bị trúng đạn nên Anh X1 chạy ra sau quán bỏ trốn, còn C1 lúc này nghiêng người hạ thấp nép vào sát tường để tránh (mặt hướng vào tường), C cũng nghiêng người nhìn theo C1 bắn tiếp viên đạn thứ hai trúng người C1 và nhìn thấy C1 tiếp tục lùi lại nấp vào bờ tường bên kia thì C đi vòng qua phía bên ngoài trước quán bi da đến đầu tường có cửa kéo bằng sắt nhìn thấy C1, C hướng súng về phía C1 bắn viên đạn thứ ba thì trúng cửa sắt gần chỗ C1 đứng, lúc này C nhìn thấy trên cánh tay phải của C1 chảy máu và chạy đến chỗ T đang đứng đợi ngoài đường, còn C1 chạy ra đường L1 ngã xuống chết ngay tại chỗ.

Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở C bỏ chạy ra bùng binh Đ1, thành phố K1, rồi tiếp tục đi trên Quốc lộ 24 theo hướng về huyện K2, tỉnh Kon Tum, đi được một lúc thì gặp xe ô tô do N điều khiển chở N2, T vẫy tay ra hiệu cho N tiếp tục điều khiển xe ô tô chạy đến huyện K3, tỉnh Kon Tum, thì C lên xe ô tô đi cùng N và N2, còn T điều khiển xe mô tô đi một mình, khi lên xe ô tô C nói với N và N2 là "tao bòm thằng C1 võ rồi" (tức là đã bắn thằng C1 rồi), lúc này N và N2 không nói gì, N tiếp tục điều khiển xe ô tô chạy qua trung tâm huyện K2 một đoạn, N2 nói với N để N2 điều khiển xe thay cho, N xuống ngồi ghế sau, C đưa khẩu súng và hộp tiếp đạn vừa bắn C1 xong cho N cất vào túi da màu đen của C để ở ghế phía sau, đồng thời N cũng lấy khẩu súng của mình để ở hộp cốp xe ô tô cất vào túi da màu đen của C, rồi cả nhóm bỏ chạy vượt qua các chốt chặn của Cảnh sát giao thông, đến huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi thì bị lực lượng Công an chặn đường, thấy vậy N xuống xe ô tô vứt bỏ túi da màu đen đựng súng, đạn bên đường và cùng đồng bọn bỏ chạy trốn vào rừng, đến ngày 28/03/2018 C, N và N2 bị Cơ quan CSĐT, Công an tỉnh Kon Tum bắt khẩn cấp.

Đối với Phùng Minh T điều khiển xe mô tô một mình bỏ chạy, đến chỗ vắng người T đã dừng xe và dùng tay gỡ bỏ lớp nhựa (đecan) dán bên ngoài xe máy từ màu trắng " đỏ sang màu xanh - đen, rồi dùng búa đập nhiều lần vào số khung của xe mô tô mục đích là làm mờ số khung để tránh sự phát hiện, sau đó T đi tới khu đất trống thuộc thôn P2, xã T5, huyện S2, tỉnh Quảng Ngãi bỏ xe máy lại và đón xe ô tô khách đi về Hà Nội. Ngày 18/08/2018, Phùng Minh T bị Công an thành phố Hà Nội bắt theo Quyết định truy nã và chuyển cho Cơ quan CSĐT, Công an tỉnh Kon Tum để giải quyết theo thẩm quyền.

Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 40/TT-TTPY ngày 27/03/2018 của Trung Tâm pháp y – sở y tế tỉnh Kon Tum đối với Nguyễn Văn Cường, kết luận:

1. Dấu hiệu qua giám định:

- Mắt khép hờ, miệng khép hờ, tai - mũi - miệng không có máu.

- Dưới cằm có vết xây xát da kích thước (05x1,5)cm; vết thương kích thước (03x0,6) cm, không có ám khói, bờ mép nham nhở, hướng từ bên trái sang bên phải, từ dưới lên trên.

- Cách hõm nách 04cm trên đường nách giữa bên trái có 01 vết thương, kích thước (0,6x0,6)cm, không có ám khói, bờ mép nham nhở.

- Cách hõm nách 14cm, trên đường nách sau ngực bên phải có 01 vết thương, kích thước (0,6x0,6)cm, không có ám khói, bờ mép nham nhở.

- Ở mặt trong 1/3 trên cẳng tay bên phải có 01 vết thương rách da - cơ, kích thước (1,4x01)cm, không có ám khói, bờ mép nham nhở và có điểm xây xát da ở miệng vết thương vị trí 01 giờ, hướng từ bên trái sang bên phải, từ trên xuống dưới và từ trong ra ngoài.

- Sờ nắn ở 1/3 giữa cẳng tay bên phải có dị vật cứng nằm dưới da.

- Ở 1/3 giữa mặt ngoài cánh tay bên trái có một vết thương hình hơi tròn, kích thước (0,6x0,6)cm, bờ mép nham nhở, không có ám khói, có vết xước da ở miệng vết thương vị trí 03 giờ.

- Ở 1/3 giữa mặt trong cánh tay bên trái, cách hõm nách 03cm có 01 vết thương, kích thước (0,6x0,6)cm.

- Mở rộng vết thương vùng dưới cằm thấy tổ chức mô cơ bầm tụ máu; kiểm tra thấy nứt xương hàm dưới ở 1/3 giữa, vết thương xuyên thủng qua xương hàm ở mặt ngoài dưới chân răng số 3.1 và răng 3.2 (không thấy gãy răng); kiểm tra vòm trên khoang miệng, họng và niêm mạc môi trên không thấy thương tích.

- Kiểm tra vết thương ở cánh tay bên trái, vết thương xuyên thủng từ 1/3 giữa mặt ngoài đến 1/3 giữa mặt cánh tay, tổ chức mô cơ bầm tụ máu.

- Rạch da vùng trước xương ức, cắt sụn sườn hai bên; kiểm tra thấy nhiều máu trong khoang lồng ngực lẫn máu cục; kiểm tra thành bên trong khoang lồng ngực bên trái thấy vết thương đi xuyên qua thành ngực ở khoảng gian sườn giữa xương sườn số 04 và số 05, thủng tổ chức phổi bên trái ở rãnh gian thùy giữa. Mở màng ngoài tim thấy có máu, kiểm tra vết thương xuyên qua màng ngoài cơ tim bên trái, thủng rách tâm thất phải, kích thước (05x03)cm và đi xuyên qua màng ngoài tim bên phải, thủng đáy phổi bên phải, phổi bên phải xẹp, thủng thành bên ngực phải ở khoang gian sườn giữa xương sườn số 07 và số 08 đi ra ngoài.

- Rạch da - cơ vết thương ở 1/3 trên cẳng tay bên phải thấy tổ chức mô cơ bầm tụ máu. Kiểm tra hướng đi của vết thương thấy dị vật kim loại màu vàng hình trụ có đầu chóp nằm ở 1/3 giữa cẳng tay bên phải sát dưới tổ chức da.

2. Kết luận: Nguyễn Văn C1 chết, nguyên nhân do vết thương ngực trái xuyên thủng phổi trái - thủng tim và phổi phải.

Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 38/TgT-TTPY ngày 28/03/2018 của Trung Tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Kon Tum đối vói Lê Văn X1, kết luận: vết thương rách da cơ cẳng tay bên phải + Xây xát da ở mặt trong cánh tay bên phải: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 03%.

Bản kết luận giám định số 227A/C54C-Đ3 ngày 02/04/2018 của Phân viện khoa học hình sự, Bộ Công an tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- Khẩu súng số hiệu AAGN853 gửi giám định là súng ngắn GLOCK 19; khẩu súng số hiệu AAFM779 gửi giám định là súng ngắn GLOCK 26 đều còn sử dụng bắn được, thuộc vũ khí quân dụng.

- 01 khẩu súng số hiệu 4836 gửi giám định là súng ngắn MAKAROV (K59), thuộc vũ khí quân dụng; hiện tại súng không sử dụng được (do búa đập yếu).

- 87 viên đạn gửi giám định gồm: 78 viên đạn cỡ (9x19)mm, 09 viên đạn cỡ (9x18)mm đều còn sử dụng được và thuộc vũ khí quân dụng.

- 03 vỏ đạn (ký hiệu số: 6,7,8) và hai đầu đạn gửi giám định do khẩu súng ngắn GLOCK 19, số hiệu AAGN853 bắn ra (súng của Trần Ngọc C).

- Dấu vết trên vỏ đạn (ký hiệu số 9) gửi giám định do các bộ phận của khẩu súng ngắn GLOCK 19 số hiệu AAGN853 gây ra.

- Dấu vết trên 09 mảnh kim loại đầu đạn gửi giám định không đủ yếu tố giám định.

- 01 vật hình cầu (Quyết định trưng cầu ghi Quả lựu đạn) gửi đến giám định là lựu đạn mô hình, không thuộc vũ khí quân dụng (bút lục số: 198 - 199).

Bản kết luận giám định số 227/C54C-Đ3 ngày 02/04/2018 của Phân viện khoa học hình sự, Bộ Công an tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- Trên khẩu súng GLOCK 19 màu đen mang ký hiệu AAGN853 có ADN của Trần Ngọc C.

- Trên khẩu súng GLOCK 26 màu đen mang ký hiệu AAFM779 và trên một túi xách màu đen có ADN lẫn ít nhất của 02 người trở lên nên không thể truy nguyên được đối tượng.

- Trên khẩu súng màu đen có ký hiệu 4836 có ADN của một người khác không phải là Nguyễn Văn N2, Trần Ngọc C, Đậu Văn N (bút lục số:200-201).

Bản kết luận giám định số 17/GĐTP -2019 ngày 08/03/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum, kết luận: Xe mô tô hiệu YAMAHA EXCITER không mang biển kiểm soát, số máy G3D4F314573 có bề mặt kim loại tại vị trí đóng số khung bị đục phá, số khung đọc được sau giám định là "RLCUG0610GY299666" là dãy chữ số nguyên thủy (bút lục số: 202 — 203).

Bản cáo trạng số: 10/CT-VKS-P2 ngày 22/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đã truy tố:

Bị cáo Trần Ngọc C về các tội: "Giết người; Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng; cố ý gây thương tích" theo điểm n khoản 1 Điều 123; điểm c khoản 2 Điều 304; điểm a,i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Phùng Minh T về tội "Giết người" theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Đậu Văn N về các tội "Che giấu tội phạm; Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" theo điểm b khoản 1 Điều 389; điểm h khoản 2 Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Văn N2 về tội "Che giấu tội phạm" theo điểm b khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 37/2019/HSST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Trần Ngọc C phạm các tội ''Giết người"; "Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khỉ quân dụng" và "Cố ý gây thương tích ".

Bị cáo Phùng Minh T phạm tội "Giết người".

Bị cáo Đậu Văn N phạm các tội "Che giấu tội phạm " và "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng".

Bị cáo Nguyễn Văn N2 phạm tội "Che giấu tội phạm

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1,2 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc C tù chung thân về tội "Giết người".

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc C 9 (chín) năm tù về tội "Tàng trữ; sử dụng trải phép vũ khí quân dụng ".

- Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc C 04 (bốn) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích "

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hĩnh sự:

Tổng hợp mức hình phạt chung đối với 03 tội danh trên của bị cáo Trần Ngọc C là: Tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (28/3/2018).

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phùng Minh T 18 (mười tám) nàm tù về tội "Giết người". Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (18/8/2018).

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Đậu Văn N 2 (hai) năm 6(sáu) tháng tù về tội "Che giấu tội phạm".

- Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Đậu Văn N 9 (chín) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự:

Tổng hợp mức hình phạt chung đối với 02 tội danh trên của bị cáo Đậu Văn N là: 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (28/3/2018).

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Che giấu tội phạm". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (28/3/2018).

2. Về trách nhiện dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 468, Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ông Nguyễn Mạnh H1 và bà Nguyễn Thị Kim M1 được quyền liên hệ Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum để nhận số tiền 144.000.000 (một trăm bốn mươi bốn triệu) đồng theo biên lai uỷ nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 30 tháng 5 năm 2019 và biên lai thu tiền số Â/2020/0005391 ngày 08 tháng 8 năm 2019.

-Buộc bị cáo Phùng Minh T phải bồi thường cho ông Nguyễn Mạnh H1 và bà Nguyễn Thị Kim M1 số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Ngoài ra Bản án còn tuyên quyết định về xử lý vật chứng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất chậm trả khi thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/12/2019, đại diện hợp pháp của người bị hại Nguyễn Văn C1 là ông Nguyễn Mạnh H1 và bà Nguyễn Thị Kim M1 kháng cáo toàn bộ bản án. Tại phiên toà, ông Huệ và bà M1 cho rằng phải xét xử bị cáo Nguyễn Văn N2 và Đậu Văn N về tội "Giết người", vụ án có tổ chức, phải xét xử bị cáo Trần Ngọc C về tội " Giết người" khi bắn anh Lê Văn X1 chứ không phải "Cố ý gây thương tích". Về phần dân sự, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/12/2019 các bị cáo Trần Ngọc C, Phùng Minh T, Đậu Văn N,

Nguyễn Văn N2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc C, Đậu Văn N, Nguyễn Văn N2 và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phùng Minh T, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo, xử bị cáo Phùng Minh T từ 15 đến 16 năm tù. Vì bị cáo Phùng Minh T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, vai trò đồng phạm giúp sức, đã bồi thường đầy đủ, mức án cấp sơ thẩm tuyên quá nghiêm khắc.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc C và bị cáo Phùng Minh T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc để giảm hình phạt cho bị cáo Trần Ngọc C và thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát, đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo Phùng Minh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử các bị cáo về tội "Giết người" và tăng hình phạt đối với các bị cáo tăng mức bồi thường cho phía bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Luật sư, quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, đại diện hợp pháp của bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo; các bị cáo thừa nhận hành vi và tội danh như cấp sơ thẩm xét xử là đúng, giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn từ trước giữa nhóm của bị cáo Trần Ngọc C, bị cáo Phùng Minh T với nhóm của bị hại Nguyễn Văn C1, nên C và T đã tìm đánh lại C1 nhưng chưa gặp. Đến ngày 27/3/2018, trong lúc bị cáo T điều khiển xe mô tô chở C đi chợ mua thức ăn, thì phát hiện C1 đang đánh bi da tại quán 72 Đường L1, thành phố K1, tỉnh Kon Tum; C nói với T điều khiển xe mô tô chở C về nhà lấy đồ để đánh cảnh cáo C1 và được T đồng ý. Sau đó T tiếp tục điều khiển xe mô tô chở C đến quán bi da trên, T dừng xe đứng ngoài đường, còn C chạy bộ vào quán bi da rút súng trong người nhắm thẳng vào người C1 bắn C1 03 phát đạn. Tại phiên tòa, bị cáo C khai khi bắn phát thứ nhất thì nhìn thấy anh C1 cúi người xuống để tránh đạn nên viên đạn đã trúng cằm anh C1 bay ra và sượt vào tay anh X1; viên thứ hai thì bắn trúng vào người anh C1, xuyên từ bên nách trái qua bên nách phải găm vào cánh tay phải; Viên thứ 3 trúng cửa sắt. Xét lời khai của bị cáo là phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, phù hợp với lời khai của anh X1 tại hồ sơ và tại phiên tòa là chỉ nghe thấy 3 tiếng súng nổ và phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Hậu quả, Nguyễn Văn C1 chết do vết thương ngực trái, xuyên thủng phổi trái, thủng tim và phổi phải. Đối với anh Lê Văn X1 là người cùng chơi bi da với anh C1 khai nhận: Trong lúc đang đánh bida thì nghe tiếng súng nổ, sợ quá chạy ra sau nhà nấp thấy cánh tay phải của mình chảy máu. Còn bị cáo C khai: Chỉ nhằm bắn anh C1 và chỉ có bị cáo dùng súng bắn, ngoài ra không có ai bắn hay đánh anh C1. Như vậy, có cơ sở khẳng định viên đạn thứ nhất trúng cằm anh C1, bay ra sượt vào tay anh X1 gây thương tích 3%. Ngoài ra, bị cáo Trần Ngọc C còn có hành vi tàng trữ 03 khẩu súng ngắn, 90 viên đạn các loại, trong đó có 01 khẩu súng ngắn hiệu GLOCK 26 và 10 viên đạn của N mang theo khi cất giấu trên xe ô tô bỏ chạy trốn; có hành vi sử dụng 01 khẩu súng ngắn hiệu GLOCK 19 và 03 viên đạn bắn anh C1. Tất cả đều là vũ khí quân dụng. Hành vi của bị cáo Trần Ngọc C có đủ yếu tố cấu thành các tội "Giết người" theo quy định tại Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015; tội "Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" theo Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015; "cố ý gây thương tích" theo Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Phùng Minh T: Mặc dù, quá trình điều tra bị cáo T khai nhận trong lúc chở bị cáo C đến quán bi da, T không biết C mang theo súng và cũng không biết C sử dụng súng để bắn C1. Tuy nhiên, bị cáo đã thừa nhận chính T đã chỉ chiếc xe ô tô mà anh C1 sử dụng và nói: "đây là xe thằng C1 mấy bữa trước nó dùng xe này rượt đuổi đánh anh em nhà mình trên đường P1 khi đi ăn tối" và khi C nói: "về nhà lấy đồ đánh cảnh cáo C1" thì T đồng ý chở C về nhà để lấy đồ (tức là hung khí, còn loại gì thì T không biết rõ); đồng thời T thừa nhận khi chở C đến quán bi da lần hai, với mục đích là để đánh cảnh cáo C1 và chỉ cho C "thằng C1 đứng ở ngoài mặc áo đen". Như vậy, T đã nhận thức rõ hành vi của mình là giúp sức cho C để đánh C1, nên T phải chịu trách nhiệm hình sự cùng với C về tội Giết người với vai trò đồng phạm là người giúp sức theo quy định tại Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với các bị cáo Đậu Văn N, Nguyễn Văn N2 hoàn toàn không biết bị cáo C và T đến quán bi da để đánh cảnh cáo Nguyễn Văn C1. Bị cáo N và bị cáo N2 chỉ được nghe T điện thoại nói chuẩn bị về bắc với C, cũng không nhìn thấy bị cáo C lấy súng đem theo, không được C nói cho biết là đi đánh cảnh cáo anh C1, không chứng kiến C bắn anh C1. Khi đi đến đường M3 thì chỉ được C nói chạy xe ra bùng binh Đ1 đợi anh đi có tí việc. Như vậy, về ý thức chủ quan, hai bị cáo N và N2 không hề biết C và T đi đánh C1, mặc dù cùng với C đi xe ô tô từ số 77 Đường P1 tới đường M3, gần Công viên nước, cách xa nơi xảy ra vụ án. Như vậy, không có cơ sở cho rằng N, N2 là đồng phạm với C trong tội giết người. Lời khai cũa các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra. Tuy nhiên, sau khi C bắn C1, rồi lên xe ô tô ở huyện K3 cùng đi với N và N2 trên Quốc lộ 24 để về tỉnh Nghệ An, C nói với N và N2 nghe là đã bòm thằng C1 võ rồi, bị cáo N và N2 đều hiểu "bòm" là "bắn" nhưng N vẫn điều khiển xe ô tô, rồi sau đó N2 tiếp tục điều khiển xe ô tô chở C chạy trên Quốc lộ 24 hướng về tỉnh Quảng Ngãi để bỏ trốn gây khó khăn cho việc tổ chức truy bắt tội phạm. Riêng bị cáo N còn có hành vi cất giấu 03 khẩu súng ngắn và 87 viên đạn là vũ khí quân dụng (trong đó có 02 khẩu súng ngắn và 77 viên đạn còn lại của C sau khi bắn C1 và 01

khẩu súng của N được N bỏ chung vào túi da của C trên ô tô khi bỏ chạy trốn), bị cáo N đã từng có 03 tiền án về tội Trộm cắp tài sản nên lần phạm tội này thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm " là tình tiết định khung. Bị cáo N và N2 biết rõ C sử dụng súng bắn chết C1, nhưng vẫn điều khiển xe ô tô chở C bỏ trốn, cất giấu tang vật cho C. Do đó, bị cáo N2 đã phạm vào tội "Che giấu tội phạm "quy định tại điểm b khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo N đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng", theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015, và tội "Che giấu tội phạm "quy định tại điểm b khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự năm 2015.

Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xét xử Bị cáo Trần Ngọc C về các tội: "Giết người; Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng; cố ý gây thương tích" theo điểm n khoản 1 Điều 123; điểm c khoản 2 Điều 304; điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015;Bị cáo Phùng Minh T về tội "Giết người" theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015;Bị cáo Đậu Văn N về các tội "Che giấu tội phạm"; "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" điểm b khoản 1 Điều 389; điểm h khoản 2 Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015; Bị cáo Nguyễn Văn N2 về tội "Che giấu tội phạm" theo điểm b khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại: ông Nguyễn Mạnh H1, bà Nguyễn Thị Kim M1, thấy rằng trong đơn kháng cáo, ông bà cho rằng: Bản án sơ thẩm chưa khách quan, chưa đúng pháp luật, phải xét xử bị cáo C về tội vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng qua biên giới; hành vi của bị cáo C là cố ý giết người, giết nhiều người; vụ án có tổ chức, T là người chủ mưu. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong vụ án này bị cáo Trần Ngọc C dùng súng tước đoạt sinh mạng của bị hại do đó bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Giết người" theo điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS, với tình tiết có tính chất côn đồ là đúng. Còn việc anh X1 bị thương thì anh X1 khai trong lúc đánh bida thì nghe tiếng súng nổ, sợ quá chạy ra sau nhà nấp thì thấy cánh tay phải của mình chảy máu. Còn bị cáo C khai chỉ nhằm bắn anh C1, viên đạn trúng cằm anh C1 bay ra sượt vào tay anh X1 gây thương tích 3% nên xử bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" (về việc gây thương tích cho anh X1) là đúng. Đối với bị cáo Phùng Minh T, quá trình điều tra bị cáo thừa nhận chính T đã chỉ chiếc xe ô tô mà C1 đã sử dụng và nói " đây là xe thằng C1 mấy bữa trước nó dùng xe này rượt đuổi đánh anh em nhà mình." và khi C nói "về nhà lấy đồ đánh cảnh cáo C1" thì T đồng ý chở chung về lấy đồ và khi chở C quay trở lại quán bida thì T đã chỉ và nói với C "thằng C1 đứng ở ngoài mặc áo đen". Như vậy T có hành vi đồng phạm giúp sức cho bị cáo C trong vụ án này. Còn hành vi tàng trữ, sử dụng vũ khí quân dụng của bị cáo C, bị cáo C khai nhặt được súng ở trong rừng thuộc địa phận huyện N4, Kon Tum, giáp biên giới campuchia, sau này đưa về nhà cất giữ, dùng bắn chết bị hại nên cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội " Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" là đúng.

Quá trình điều tra giải quyết vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã tiến hành các biện pháp điều tra để chứng minh tội phạm và xác định bị cáo Đậu Văn N và bị cáo Nguyễn Văn N2 không biết , không có mặt tại hiện trường khi bị

cáo Trần Ngọc C thực hiện hàn vi " Giết người", không có chứng cứ chứng minh đồng phạm về tội "Giết người". Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Ngọc C và Phùng Minh T xuất phát từ xích mích nhỏ nhặt với bị hại trước đó khoảng 3, 4 ngày và khi phát hiện bị hại thì thực hiện hành vi chứ không có sự phân công, bàn bạc cụ thể gì. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà, vụ án này không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Ngọc C và Phùng Minh T về tội " Giết người" theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015, với tình tiết có tích có tính côn đồ và xét xử bị cáo Đậu Văn N về tội " Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng", "Che giấu tội phạm"; xét xử Nguyễn Văn N2 về tội "Che giấu tội phạm" là có căn cứ và đúng pháp luật. Về hình phạt đối với bị cáo Trần Ngọc C, hành vi của bị cáo C là đặc biệt nguy hiểm nhưng xét thấy có khả năng cải tạo và thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, Toà án cấp sơ thẩm tuyên tù Chung thân đối với bị cáo Trần Ngoc C là phù hợp.

Về phần dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của bị hại không đề nghị các bị cáo bồi thường và cũng không thoả thuận được với các bị cáo về việc bồi thường, chỉ đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bồi thường tiền tổn thất tinh thần do tính mạng bị xâm phạm là 100 tháng lương cơ bản và 20.000.000 đồng tiền chi phí xây mộ và mai táng, tổng thành tiền là 169.000.000 đồng là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những vấn đề phân tích trên, thấy nội dung kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại không căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo thấy rằng: bị cáo Trần Ngọc C và bị cáo Phùng Minh T đã xâm phạm trái pháp luật đến tính mạng của con người được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, bị cáo Trần Ngọc C còn xâm phạm đến sức khỏe của con người và chế độ quản lý của Nhà nước đối với vũ khí quân dụng với hậu quả làm chết người, các bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ, trong đó bị cáo Trần Ngọc C trực tiếp thực hiện hành vi gây ra cái chết cho bị hại, bị cáo Phùng Minh T với vai trò đồng phạm giúp sức. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm tuyên hình phạt đối với bị cáo Trần Ngọc C là tương xứng với hành vi, mức độ phạm tội của các bị cáo.

Đối với bị cáo Phùng Minh T, với vai trò đồng phạm giúp sức, không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, có nhiều tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường một phần thiệt hại nên được toà án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy đinh tại b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nhưng Toà án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 18 năm tù là quá nghiêm khắc. Trong giai đoạn phúc thẩm bị cáo đã nộp hết khoản tiền 25.000.000 đồng theo bản án sơ thẩm tuyên (phiếu thu số AA/2010/0005400 ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum),thể hiện sự ăn năn, khắc phục hậu quả của bị cáo. Do đó, Toà án cấp phúc thẩm thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phùng Minh T, giảm cho bị cáo một phần hình phạt như quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm.

Hành vi phạm tội "Che giấu tội phạm " của các bị cáo Đậu Văn N và Nguyễn Văn N2, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm. Ngoài ra, bị cáo Đậu Văn N còn xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với vũ khí quân dụng. Khi xét xử sơ thẩm, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, trong giai đoạn phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà nẵng tại phiên toà phúc thẩm về việc Toà án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Trần Ngọc C 4 năm tù về tội " Cố ý gây thương tích" là không đúng, vì bị cáo bị xét xử theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015. Khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định hình phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Quan điểm này của Viện kiểm sát hoàn toàn đúng pháp luật, có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên trong vụ án này bị cáo Trần Ngọc C bị xét xử nhiều tội, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Ngọc C phải chấp hành là tù **Chung thân,** do đó để ổn định bản án, cấp phúc thẩm thấy không cần thiết phải điều chỉnh mà cần nêu để Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Từ những vấn đề phân tích và lập luận trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc C, Đậu Văn Nhât, Nguyễn Văn N2 không có cơ sở nên không được chấp nhận; Kháng cáo của bị cáo Phùng Minh T có căn cứ nên được chấp nhận; Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà phù hợp với quan điểm của hội đồng xét xử nên được chấp nhận; Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo Phùng Minh T được chấp nhận. Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đại diện nhợp pháp của bị hại không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Ngọc C, Đậu Văn N, Nguyễn Văn N2 phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo quy định tại Nghị quyết 326/NQ-UBTVQHK14 về án phí, lệ phí Toà án.

Kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Phùng Minh T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị (xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm, quyền yêu cầu và lãi suất thi hành án) có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc C, Đậu Văn N, Nguyễn Văn N2 và kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh H1, bà Nguyễn Thị Kim M1 là người đại diện hợppháp của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phùng Minh T, sửa bản án sơ thẩm.

Về hình sự:

1.Đối với bị cáo Trần Ngọc C:

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc C tù chung thân về tội "Giết người".

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc C 9 (chín) năm tù về tội "Tàng trữ; sử dụng trái phép vũ khí quân dụng ".

- Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc C 04 (bốn) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự:

Tổng hợp mức hình phạt chung đối với 03 tội danh trên của bị cáo **Trần Ngọc C là: Tù chung thân**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (28/3/2018).

2. Đối với bị cáo Phùng Minh T

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phùng Minh T 15 (mười lăm) năm tù về tội "Giết người ". Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (18/8/2018).

3. Đối với bị cáo Đậu Văn N

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Đậu Văn N 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "Che giấu tội phạm".

- Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Đậu Văn N 9 (chín) tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự:

Tổng hợp mức hình phạt chung đối với 02 tội danh trên của bị cáo Đậu Văn N là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ,

tạm giam (28/3/2018).

4. Đối với bị cáo Nguyễn Văn N2:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Che giấu tội phạm". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (28/3/2018).

Về phần dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 468, Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ông Nguyễn Mạnh H1 và bà Nguyễn Thị Kim M1 được quyền liên hệ Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum để nhận số tiền 144.000.000 (một trăm bốn mươi bốn triệu) đồng theo biên lai uỷ nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 30 tháng 5 năm 2019 và biên lai thu tiền số AA/2010/0003591 ngày 08 tháng 8 năm 2019.

- Buộc Bị cáo Phùng Minh T phải bồi thường cho ông Nguyễn Mạnh H1 và bà Nguyễn Thị Kim M1 số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng. Bị cáo Phùng Minh T đã nộp đủ số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng theo phiếu thu số AA/2010/0005400 ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum (Vũ Trọng Thành nộp thay cho Phùng Minh T).

Các bị cáo Trần Ngọc C, Đậu Văn N, Nguyễn Văn N2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí phúc thẩm hình sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Kon Tum;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Trại tạm giam CA tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Cường